

## VIỆC DỊCH THUẬT VÀ NGHIÊN CỨU VĂN HỌC NHẬT BẢN Ở VIỆT NAM NHỮNG THẬP NIÊN CUỐI THẾ KỶ XX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Hà Văn Lương

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học khoa học Huế

Email: havanluongdhkh@gmail.com

### TÓM TẮT

*Văn học Nhật Bản được tiếp nhận ở Việt Nam từ những thập niên đầu thế kỷ XX cho đến ngày nay và trải qua các giai đoạn khác nhau. Nhưng, từ những năm 80 của thế kỷ XX và hơn mười năm đầu thế kỷ XXI, văn học Nhật Bản được giới thiệu ở nước ta với một tầm quy mô lớn về số lượng tác phẩm xuất bản và số bài, sách nghiên cứu.*

*Trên cơ sở khảo sát, thống kê, chúng tôi tập trung trình bày hai bình diện cơ bản của việc tiếp nhận văn học Nhật Bản ở Việt Nam: dịch thuật và nghiên cứu. Qua đó, bài viết phân tích thảo luận tranh cãi văn học Nhật Bản ở nước ta, đồng thời đưa ra một số kết luận và kiến nghị nhằm thúc đẩy việc phổ biến nền văn học này diễn ra mạnh mẽ hơn trong tương lai.*

*Từ khóa:* Cuối TK XX, dịch thuật, đầu TK XXI, văn học Nhật Bản, Việt Nam.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hoạt động văn học, tiếp nhận văn học là một trong những vấn đề quan trọng. Tiếp thu những tinh hoa của văn học thế giới để làm phong phú thêm nền văn học nước nhà là một nhu cầu quan trọng, cấp thiết đối với văn học Việt Nam, đặc biệt trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa của thế kỷ XXI.

Văn học Nhật Bản là một trong những nền văn học lớn của châu Á và có vị trí xứng đáng trong ngôi nhà chung của văn học thế giới. Ảnh hưởng của văn học Nhật Bản đối với nhiều nước trong khu vực “văn hóa chữ Hán” và một số nước khác trên thế giới đã để lại những dấu ấn khá đậm nét. Văn học Nhật Bản đến với độc giả Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay, trong đó giai đoạn cuối thế kỷ XX trở đi đã diễn ra quá trình tiếp nhận rất mạnh mẽ. Vì vậy, phân tích thảo luận tranh cãi dịch thuật và nghiên cứu văn học Nhật Bản ở nước ta từ những thập niên cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI là một việc làm quan trọng, có ý nghĩa. Qua nghiên cứu, chúng tôi đã khái quát toàn bộ những tác phẩm văn học Nhật Bản được phổ biến ở nước ta, giúp cho người đọc theo dõi một cách hệ thống những thành tựu của nền văn học lớn này.

### 2. PHÂN TÍCH THẢO LUẬN DỊCH THUẬT VÀ NGHIÊN CỨU VĂN HỌC NHẬT BẢN Ở VIỆT NAM TỪ CUỐI THẾ KỶ XX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Vào những thập niên cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, bộ mặt thế giới đã có nhiều biến

đổi mang tính bước ngoặt. Cùng với sự sụp đổ của Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu (1989 – 1991) và sự tan rã của hệ thống XHCN, thế giới từ lưỡng cực đang hướng tới một trật tự đa cực, chấm dứt thời kỳ song hành hai hệ thống chính trị - xã hội và không còn Chiến tranh lạnh. Thế giới đã biến đổi nhanh chóng và trật tự xã hội mới được thiết lập lại.

Ở Việt Nam, cùng với công cuộc đổi mới, quan hệ hợp tác với nhiều nước trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa nghệ thuật được mở rộng. Việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Nhật Bản (1973); thành lập Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản tại Việt Nam (1993); việc hình thành đội ngũ các dịch giả, các nhà nghiên cứu văn hóa, văn học Nhật Bản ở nhiều viện, trung tâm, các trường đại học xã hội và nhân văn... vào cuối thế kỷ XX đến nay đã mở ra một giai đoạn phát triển mạnh mẽ trong việc dịch thuật và nghiên cứu văn học Nhật Bản.

**2.1.** Trong khoảng hơn ba thập niên (từ những năm 80 của thế kỷ XX đến nay), văn học Nhật Bản được phổ biến ở Việt Nam đạt kỷ lục cao nhất về số lượng tác phẩm xuất bản. Những tác phẩm này được dịch qua bản tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Pháp... trên cơ sở tham khảo, đối chiếu với bản gốc. Với đội ngũ dịch giả hùng hậu gồm nhiều thành phần, lứa tuổi, bên cạnh những tên tuổi lâu năm như Phạm Mạnh Hùng, Thái Bá Tân, Nhật Chiêu, Bằng Việt, Trương Chính..., những thế hệ kế tiếp đông đảo, trẻ trung xuất hiện: Phạm Vũ Thịnh, Cao Việt Dũng, Hạnh Liên, Lương Việt Dũng, Đoàn Long... Các nhà xuất bản lớn trong nước: Nxb Hội nhà văn, Nxb Văn học & Nhã Nam, Nxb Trẻ, Nxb Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, Nxb Đà Nẵng, Nxb Tác phẩm mới, Nxb Phụ nữ..., các tạp chí Văn học nước ngoài, Nhà văn, Nghiên cứu văn học, Nghiên cứu Đông Bắc Á, báo Văn nghệ..., giữ vai trò quan trọng đối với việc giới thiệu văn học Nhật Bản đến bạn đọc nước ta.

Trong hai thập niên cuối thế kỷ XX, việc tiếp nhận văn học Nhật Bản trên phương diện dịch thuật diễn ra sôi động và một khối lượng khá lớn tác phẩm đã đến với bạn đọc. Hơn chục năm đầu thế kỷ XXI, văn học Nhật Bản được dịch và xuất bản với số lượng ngày càng lớn. Những tác phẩm của R.Akutagawa, Y.Kawabata, H.Murakami, R.Murakami, Y.Banana..., được độc giả nước ta hâm mộ và yêu thích. Với cái nhìn tổng thể về thể loại, chúng tôi phác họa bức tranh dịch thuật văn học Nhật Bản mấy chục năm qua:

- *Về tiểu thuyết*: Theo thống kê, tìm hiểu của chúng tôi, từ năm 1980 đến năm 2013 đã có gần 140 cuốn tiểu thuyết Nhật Bản được xuất bản ở Việt Nam (trong đó có một số cuốn tái bản lần 2, lần 3). Nếu những năm cuối thế kỷ XX chỉ có khoảng 50 tác phẩm được dịch thì những năm đầu thế kỷ XXI con số này lên đến gần 90 tác phẩm. Đó là những tác phẩm: *Đường đến nguồn nước* của H.Caduro (Nxb Lao động, 1984, Xuân Du dịch), *Khuôn mặt người khác* của K.Abe (Nxb Đà Nẵng, 1986, Phạm Mạnh Hùng dịch), *Đèn không tắt bóng* của D.Watanabe (Nxb Nghĩ Bình, 1986, tái bản 1994, 2003, 2013), *Người thủy thủ bị biển khước từ* của Y.Mishima (Nxb Văn học, 1999), *Rừng Nauy* của H.Murakami (Nxb Văn học, 1997, tái bản 2006)... Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, tiểu thuyết Nhật Bản được dịch với một số lượng rất lớn, đặc biệt xuất hiện khá nhiều tác phẩm của các nhà văn nữ. Có thể nêu những tác phẩm như: *Người đẹp say ngủ* của Y.Kawabata (Nxb Hội nhà văn, 2000, tái bản 2010), *Xuyên thấu, Màu*

*xanh trong suốt* của R.Murakami (Nxb Văn học, 2008), *Gối đầu lên cỏ* của N.Soseki (Nxb Hội nhà văn, 2012), *Xấu* của Natsuo Kirino (Nxb Thời đại & Nhã Nam, 2013), *Rắn và khuyên lười* của K.Hitomi (Nxb Văn học & Nhã Nam, 2009), *Thất lạc cõi người* của O.Dazai (Nxb Hội nhà văn, 2011)... Những tiểu thuyết gia Nhật Bản được dịch nhiều nhất là: H.Murakami (13 tiểu thuyết), Y.Kawabata (6 tiểu thuyết), R.Murakami (6 tiểu thuyết)... Trong số này, nhà văn H.Murakami, cho đến nay là tác giả đạt kỷ lục tác phẩm dịch nhiều nhất ở nước ta (13 tiểu thuyết, 05 tập truyện ngắn, 01 tự truyện). Đó là các tiểu thuyết: *Biên niên kí chim vận dây cót, Kafka bên bờ biển, Người tình Sputnik, Ngâm, IQ84*... Trong số nữ tiểu thuyết gia Nhật Bản giới thiệu ở Việt Nam vào thập niên đầu thế kỷ XXI, nổi bật là những tác giả: Yamada Amy (sinh 1959), Yoko Ogawa (sinh 1962), Banana Yoshimoto (sinh 1964) và Mitsuyo Kakuta (sinh 1965)... đoạt nhiều giải thưởng lớn trong nước và khu vực. Được đánh giá là một nhà văn có “sự hòa trộn tuyệt vời của tính tưởng tượng đích thực và khả năng quan sát sắc sảo” (theo Goodreads), Y.Amy được dịch ở Việt Nam 03 tiểu thuyết và một tập truyện ngắn (*Đôi mắt ấy vẫn ở trên giường* (Nxb Hội nhà văn, 2008), *Sống lưng của Jesse* (Nxb Văn hóa Sài Gòn, 2008), *Trò đùa của những ngón tay* (Nxb Văn học, 2009) và tập truyện ngắn *Phong vị tuyệt vời* (Nxb Hội nhà văn, 2010). “Là bậc thầy kể chuyện..., với những nỗi đam mê được mô tả một cách tinh tế, kín đáo, đầy sức mạnh qua một ngôn ngữ giản dị...”, Banana Yoshimoto được độc giả Việt Nam biết đến với 04 tiểu thuyết và 02 tập truyện ngắn (*Kitchen, N.P, Vĩnh biệt Tugumi, Amrita và Thần lẫn, Say ngủ*) xuất bản từ năm 2006 đến 2008. Nữ tác giả Yoko Ogawa có 03 tiểu thuyết giới thiệu với bạn đọc nước ta: *Quán trọ hoa diên vĩ* (Nxb Văn học, 2008), *Nhật ký mang thai* (Nxb Văn học, 2009), *Giáo sư và công thức toán* (Nxb Hội nhà văn, 2009).

Sự xuất hiện ngày càng nhiều tác phẩm của các nhà văn nữ Nhật Bản ở Việt Nam với nhiều phong cách khác nhau, một mặt giúp chúng ta hiểu thêm hiện thực xã hội qua cách nhìn của giới nữ, mặt khác khẳng định những giá trị thẩm mỹ, nhân văn của văn chương xứ Phù Tang. Có thể khẳng định rằng, sự xuất hiện tiểu thuyết văn học Nhật Bản ở nước ta trong suốt mấy chục năm qua đã chứng tỏ sự nỗ lực rất lớn của các dịch giả, các nhà xuất bản và nói lên giá trị to lớn của văn chương xứ sở hoa anh đào.

- *Về truyện ngắn*: Truyện ngắn Nhật Bản được dịch ở Việt Nam trong thời gian qua với số lượng lớn và được giới thiệu dưới dạng các tuyển tập do nhiều nhà xuất bản ấn hành hoặc đăng trên các tạp chí, các báo. Hầu hết những truyện ngắn này là của các nhà văn lớn, nổi tiếng thuộc thời kỳ hiện đại. Bên cạnh những tác giả được dịch nhiều như R.Akutagawa, Y.Kawabata, H.Murakami, Y.Banana... và được xuất bản thành các tuyển tập, một số truyện của S.Ishinara, T.Michio, A.Abe, M.Shikibu... cũng được giới thiệu.

Cho đến nay có khoảng 22 tuyển tập truyện ngắn Nhật Bản (khoảng 200 truyện) và trên 150 truyện in trên tạp chí, báo, tổng cộng gần 400 truyện ngắn đã được giới thiệu ở nước ta. Đó là những tuyển tập: *Truyện ngắn Nhật Bản hiện đại* (Nxb Tác phẩm mới, 1985), *Trong rừng trúc, Hạc chiều* của R.Akutagawa (xuất bản 1989, 2006), các tập truyện của H.Murakami: *Đom đóm, Sau cơn động đất, Ngày đẹp trời để xem Kangaroo, Người ti vi*... (Nxb Đà Nẵng 2006, 2007), *Bên trong* (Nhiều tác giả, Nxb Thuận Hóa, 2010). Ngoài ra, hàng trăm truyện ngắn của

nhiều tác giả khác cũng được in trong các tập truyện như: *20 truyện ngắn đặc sắc Nhật Bản* (Nhiều tác giả, Nxb Thanh niên, 2008), *Truyện ngắn nước ngoài chọn lọc* (Nxb Phụ nữ, 2003), *Truyện dịch Đông Tây* (Nxb Lao động, 2005), *Vùng im lặng của biển* (Nxb Công an nhân dân, 1995), *Gấu núi ở Namotoko* của K.Miyadawa (Văn nghệ quân đội, số 4/1985), *Mẫu phẩn thân* của K.Abe (Báo Văn nghệ, số 13/1985), *Sợi tơ nhỏ* của R.Aburahara (Sông Hương, số 21/1986)... và ở nhiều tạp chí khác. Như vậy, với số lượng rất lớn, truyện ngắn Nhật Bản được dịch ở Việt Nam trong mấy chục năm qua đã khẳng định vị thế và giá trị của thể loại này trên văn đàn.

- *Về truyện dân gian*: Đất nước Nhật Bản là xứ sở của nguồn truyện cổ dân gian, gắn với những truyền thuyết và huyền thoại. Cho đến nay, đã có hàng chục tuyển tập, nhiều truyện dân gian Nhật Bản đã xuất bản và in trên báo, tạp chí lên đến khoảng 300 truyện. Phần lớn các truyện trên được giới thiệu ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Chúng tôi điếm qua một số tập truyện như: *Truyện dân gian Nhật Bản* (28 truyện) do Thúy Toàn dịch và tuyển chọn, Nxb Hà Nội, 1987; *Hẹn mùa hoa cúc* (9 truyện) do Nguyễn Trọng Định dịch, Nxb Văn học, 1989; *Truyện tiểu lâm Nhật Bản* do Nhật Chiêu dịch (Nxb Văn hóa dân tộc, 1993); *Truyện cổ Nhật Bản* (50 truyện), Đặng Minh Huệ dịch, Nxb Văn hóa thông tin, 1998; *Truyện cổ tích Nhật Bản* (55 truyện), Nguyễn Thị Bích Hà dịch, Nxb Đại học QG Hà Nội, 1999... Trong khi dịch các truyện dân gian Nhật Bản, các dịch giả đã chú ý khá đầy đủ các loại truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, trong đó truyện cổ khuyết danh được dịch nhiều hơn cả. Điều này hoàn toàn hợp lý, vì thể loại này phổ biến trong văn học cổ trung đại, chứa đựng nhiều giá trị thẩm mỹ và nhân văn.

- *Thể loại thơ và kịch*: Hai thể loại này dịch còn quá ít ở nước ta. Theo chúng tôi, nguyên nhân chủ yếu do thể loại này chưa phải đạt thành tựu lớn so với văn xuôi, hơn nữa để chuyển tải thơ và kịch qua một ngôn ngữ khác là một công việc không dễ dàng. Đến nay, có khoảng 6 tuyển tập thơ ca Nhật Bản (in chung hoặc riêng) xuất hiện ở Việt Nam và hàng trăm bài thơ đăng trên các báo, tạp chí trung ương và địa phương. Đáng chú ý nhất là các tập: *Basho và thơ Haiku Nhật Bản* (do Nhật Chiêu dịch, Nxb Văn học, 1994, gồm 118 bài), *Thơ ca Nhật Bản* (Nxb Giáo dục, 1998), *Thơ cổ Phương Đông* (Thái Bá Tân tuyển chọn, Nxb Lao động, 2001, gồm 130 bài thơ tanka), *Vườn thơ trăm hương sắc* (Trần Thị Chung Toàn dịch, Nxb Thế giới, 2000), *Hợp tuyển văn học Nhật Bản* của Mai Liên (Nxb Lao động và TT văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2010, có 140 bài)... Các tạp chí Văn nghệ quân đội, Tác phẩm mới, Sông Hương và báo Văn nghệ, Văn nghệ trẻ, Kiến thức... cũng đăng tải nhiều thơ (*Chùm thơ của M.Tawava - VNQĐ số 9/1992; Thơ 5 câu Nhật Bản - Văn học nước ngoài, số 1/2002...*). Trong thơ Nhật Bản phổ biến ở Việt Nam, thể thơ haiku và thơ tanka được dịch nhiều hơn cả với những tác giả như Basho, Issa, Buson, Shiki... Việc ra đời *Câu lạc bộ thơ haiku ở Việt Nam* và xuất bản hai tập thơ haiku Việt (*Tuyển tập thơ Haiku - Nxb Lao động, 2008; Thơ Haiku Việt - Nội san tháng 10/2009...*) đã khẳng định tầm quan trọng và sức hấp dẫn của thơ haiku đối với người đọc nước ta.

Nghệ thuật sân khấu Nhật Bản nói chung và thời cổ trung đại nói riêng nổi bật ở thể loại kịch Noh, kịch Kabuki, múa rối Joruki, nhưng các tác phẩm đó còn quá hiếm hoi đối với người

đọc nước ta. Trong số hàng trăm vở kịch Noh của dòng họ Zeami, chỉ mới có một vở kịch Noh (*Sotoba Kamachi*) do Mai Tâm dịch, đăng ở *Nguyệt san Giác ngộ*, số 35, 36 xuất bản ở TP Hồ Chí Minh, 1999.

2.2. Từ bức tranh dịch thuật, giới thiệu tác phẩm văn học Nhật Bản như trên, chúng tôi thấy rằng: Rõ ràng, những thập niên qua, một khối lượng khá lớn, đủ các thể loại của văn học Nhật Bản đã đến với độc giả nước ta. So với một số nền văn học khác, có thể khẳng định, văn học Nhật Bản ở Việt Nam được dịch chiếm tỷ lệ khá cao. Thể loại văn xuôi (tiểu thuyết, truyện ngắn) được dịch nhiều hơn cả, đặc biệt các nhà văn thời đương đại. Tiếp đến là văn học dân gian (chủ yếu truyện dân gian), với số lượng không nhỏ, trong đó nổi bật là truyện cổ, thần thoại. Thể loại thơ và kịch dịch còn ít chưa đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của người đọc. Nếu nhìn theo chiều lịch đại thì những năm đầu thế kỷ XXI, số lượng xuất bản các tác phẩm văn học Nhật Bản ngày càng nhiều, phong phú hơn so với trước đó.

### 3. NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HỌC NHẬT BẢN Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỶ XX ĐẦU THẾ KỶ XXI

Bên cạnh công tác dịch thuật, việc nghiên cứu văn học Nhật Bản ở nước ta trong vài chục năm qua cũng thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Điều này thể hiện qua các công trình nghiên cứu được xuất bản, những bài viết công bố trên tạp chí, báo trung ương và địa phương, tạp chí chuyên ngành.

3.1. Từ những năm 80 của thế kỷ XX đến nay có khoảng gần hai chục cuốn sách nghiên cứu về văn học Nhật Bản được xuất bản. Nếu cuối thế kỷ XX mới có khoảng 6 đầu sách thì hơn mười năm đầu thế kỷ XXI đã có trên chục cuốn xuất bản. Các nghiên cứu trên phác họa bức tranh lịch sử văn học Nhật Bản qua các giai đoạn, nghiên cứu thể loại thơ, văn xuôi và những vấn đề chung hoặc đi sâu vào tác giả, tác phẩm.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, có khoảng 5 cuốn nghiên cứu về thơ, 5 cuốn về văn xuôi và 9 cuốn về những vấn đề chung.

- Nghiên cứu về lịch sử văn học và những vấn đề chung là những cuốn: *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868* của Nhật Chiêu (Nxb Giáo dục, 2000), *Văn học Nhật Bản* (Nhiều tác giả, Nxb Thông tin KHXH, 1998), *Hợp tuyển văn học Nhật Bản* của Mai Liên (Nxb Lao động & TT văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2010), *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản* của Nguyễn Nam Trân (Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011), *Văn học cận đại Đông Á, từ góc nhìn so sánh* do Đoàn Lê Giang chủ biên (Nxb Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2011)... Những công trình này đã phác thảo bức tranh văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến cận, hiện đại, cung cấp cho người đọc có cái nhìn khá toàn diện về văn học xứ Phù Tang.

- Trong số những công trình nghiên cứu về thơ, văn xuôi Nhật Bản có thể kể một số cuốn như: *Basho và thơ Haiku* của Nhật Chiêu (Nxb Văn học, Trường ĐHTH Hồ Chí Minh, 1994), *Thơ ca Nhật Bản* (Nxb Giáo dục, 1998), *Truyện ngắn H.Murakami* của Hoàng Long

(Nxb Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2006), *Văn hóa Nhật Bản và Yasunari Kawabata* của Đào Thị Thu Hằng (Nxb Giáo dục, 2007), *Haiku - Hoa thời gian* của Lê Từ Hiền và Lưu Đức Trung (Nxb Giáo dục, 2007), *Những cây bút kiệt xuất trong văn học Nhật Bản hiện đại* của Nguyễn Tuấn Khanh (Nxb Khoa học xã hội, 2011), *Y.Kawabata - Cuộc đời và tác phẩm* của Lưu Đức Trung (Nxb Giáo dục, 1997)... Ngoài ra, trong một số sách về văn chương phương Đông hoặc nhìn phương Đông từ góc độ văn hóa, các tác giả cũng dành nhiều phần bàn về văn học Nhật Bản. Đó là các cuốn: *Câu chuyện văn chương Phương Đông* của Nhật Chiêu (Nxb Giáo dục 1998), *Nhật Bản trong chiếc gương soi* (Nxb Giáo dục, 1999), *Bước vào vườn hoa văn học Châu Á* của Lưu Đức Trung (Nxb Giáo dục, 2003), *Đạo chơi vườn văn Nhật Bản* của Hữu Ngọc (Nxb Văn nghệ, 2006)... Phần lớn các cuốn sách trên chủ yếu nghiên cứu về M.Basho và Y.Kawabata là những đỉnh cao về thơ và văn xuôi.

**3.2.** Theo thống kê của chúng tôi, từ cuối thế kỷ XX đến những năm đầu thế kỷ XXI, đã có trên 150 bài viết nghiên cứu về văn học Nhật Bản ở các thể loại. Những tạp chí Nghiên cứu văn học, Nghiên cứu Đông Bắc Á, Văn học nước ngoài, Văn hóa dân gian, Văn hóa nghệ thuật, Sông Hương, Tạp chí khoa học các trường đại học, Viện đã đăng tải những bài nghiên cứu của các tác giả. Các bài viết tập trung vào những vấn đề chung, nghiên cứu so sánh, nghiên cứu thể loại và tác giả.

- Nghiên cứu về những vấn đề chung của văn học Nhật Bản, các tác giả đã có cái nhìn tổng quát, chỉ ra những đặc điểm của nền văn học này. Tác giả Đoàn Lê Giang trong những bài viết của mình (*So sánh quan niệm văn học trong văn học cổ điển Việt Nam và Nhật Bản - Nghiên cứu văn học số 9/1997; Con đường hiện đại hóa văn học của các nước khu vực văn hóa chữ Hán - Nghiên cứu văn học số 7/2010; Nghiên cứu văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á - Nghiên cứu văn học số 2/2012...*) đã nêu lên và khẳng định những đặc điểm mang tính khu biệt và tính chung của nền văn học Nhật Bản. Đây là nhóm bài viết mang tính khái quát và tính lý luận cao, nêu lên quy luật của văn học các nước trong khối “đồng văn”. Nhiều tác giả đã chỉ ra những đặc điểm, khuynh hướng, tác gia tiêu biểu của văn học Nhật Bản trong các bài: *Một số đặc trưng của văn học Nhật Bản* (Trần Hải Yến - Nghiên cứu Nhật Bản số tháng 8/1999), *Khái quát một trăm năm văn học Nhật Bản hiện đại qua những cây bút kiệt xuất* (Nguyễn Tuấn Khanh - Nghiên cứu Đông Bắc Á số 9/2007), *Những biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo trong văn học Nhật Bản đương đại* (Lê Ngọc Phương), *Các khuynh hướng phân tự nhiên trong văn học Nhật Bản đầu thế kỷ XX* (Khuông Việt Hà)...

- Hướng nghiên cứu so sánh văn học ở cấp độ thể loại, tác giả, tác phẩm và vấn đề cũng được nhiều bài viết bàn đến. Có gần hai chục bài so sánh về thơ, truyện dân gian, nhân vật, trong đó nhiều hơn cả là về thơ haiku và truyện cổ tích. Nhìn thơ haiku trong sự đối sánh với lục bát, tuyệt cú và sijo thể hiện ở các bài: *Phác thảo những nét tương đồng và dị biệt của ba thể thơ: tuyệt cú, haiku và lục bát* của Nguyễn Thị Bích Hải (Trong cuốn “Văn học so sánh...”, 2005), *Những nét tương đồng và dị biệt của thơ sijo (Hàn Quốc) và thơ haiku (Nhật Bản)* của Hà Văn Lương (Nghiên cứu Đông Bắc Á số 10/2009), *Haiku - Lục bát, một vài ghi nhận* (Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nghiên cứu văn học số 2/2012). So sánh từ cấp độ nhân vật, môtip

giữa văn học Nhật Bản và Việt Nam được bàn đến trong các bài: *Truyện ông Ngâu bà Ngâu ở Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản* của Nguyễn Bích Hà (T/C Văn hóa dân gian số 3/2001), *Nghiên cứu so sánh môtip thường phạt qua truyện cổ tích Việt Nam và Nhật Bản* của Nguyễn Thị Nguyệt, *Vài nét so sánh về nhân vật tha hóa trong truyện ngắn của Akutagawa (Nhật Bản) và của Nam Cao (Việt Nam)* của Phạm Thị Thu (Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4/2009)...

- Nếu nhìn từ góc độ thể loại và thời kỳ văn học, chúng tôi thấy rằng, các bài viết về văn học Nhật Bản ở thể loại văn xuôi và giai đoạn văn học hiện đại có số lượng nhiều hơn cả. Trong số trên một trăm bài nghiên cứu, có hơn 70 bài về văn xuôi, gần 30 bài về thơ, khoảng chục bài về văn học dân gian và một vài bài về kịch.

+ Ở thể loại thơ, các bài viết tập trung nghiên cứu về thơ haiku và tác giả M. Basho với số lượng gần hai chục bài. Đó là những bài: *Một số đặc điểm của thơ Haiku Nhật Bản* (Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, số 4/2001), *Thơ haiku Nhật Bản viết về mùa xuân* (Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, số 2/2004) của Hà Văn Lương; *Tìm hiểu thơ haiku Nhật Bản* của Nhật Chiêu (Sông Hương, số 21/1986); *Cấu trúc nghệ thuật thơ haiku* (Nghiên cứu Văn học, số 11/1999) và *Matsuo Basho - nhà thơ lớn của thể thơ haiku* (Nghiên cứu Nhật Bản, số 3/1995) của Nguyễn Tuấn Khanh... Những nghiên cứu trên đã chỉ ra những đặc điểm nội dung và nghệ thuật của thể thơ haiku Nhật Bản gắn với thi bá nổi tiếng M. Basho - Một tác gia lớn của văn chương Nhật Bản.

+ Trong số hơn bảy chục bài viết về các tác giả văn xuôi thời cận, hiện đại tập trung chủ yếu vào Y. Kawabata (35 bài), H. Murakami (24 bài), K. Oe (5 bài) và gần chục bài về các tác giả khác.

Viết về Y. Kawabata, tác giả Hà Văn Lương có 8 bài, Đào Thị Thu Hằng 5 bài, Trần Thị Tố Loan, Khương Việt Hà, Mai Liên... mỗi người trên 2 bài và một số bài của các tác giả khác. Chúng tôi nêu một số bài như: *Yếu tố kỳ ảo trong sáng tác của Y. Kawabata, nhìn từ phương thức biểu hiện; Đặc điểm truyện ngắn Y. Kawabata, nhìn từ góc độ thi pháp* (Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 11/2006 và tháng 5/2007) của Hà Văn Lương; *Yasunari Kawabata, giữa dòng chảy Đông Tây* (Nghiên cứu văn học, số 7/2005), *Kiểu nhân vật "lữ khách đi tìm cái đẹp" trong sáng tác của Y. Kawabata* (Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 5/2006) của Đào Thị Thu Hằng. Tác giả Trần Thị Tố Loan với bài *Cái đẹp truyền thống Nhật Bản trong sáng tác của Y. Kawabata* (Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2/2006) và *Biểu tượng trong tiểu thuyết Y. Kawabata* (Văn học nước ngoài số 1+2/2012). Từ một góc nhìn khác, Lưu Đức Trung có bài *Thi pháp tiểu thuyết Yasunari Kawabata, nhà văn lớn Nhật Bản* (Nghiên cứu văn học số 9/1999) và *Kawabata và thẩm mỹ chiếc gương soi* (Nghiên cứu văn học số 3/2000) của Nhật Chiêu... Những bài nghiên cứu trên đã đi vào khai thác những đặc điểm nghệ thuật đặc sắc trong tiểu thuyết và truyện ngắn của Y. Kawabata, nhằm khẳng định tài năng văn chương của ông - nhà văn đoạt giải Nobel văn học đầu tiên của Nhật Bản (1968).

Nhà văn đương đại Haruki Murakami với hầu hết các sáng tác đã được dịch ở Việt Nam

chỉ xếp sau Y.Kawabata về số lượng bài nghiên cứu. Với trên hai chục bài viết đăng trên các tạp chí Nghiên cứu văn học, Văn học nước ngoài, Nghiên cứu Đông Bắc Á, Sông Hương và Tạp chí khoa học các trường đại học..., các tác giả làm nổi bật những đặc điểm nội dung và nghệ thuật, khẳng định những đóng góp của H.Murakami đối với nghệ thuật văn chương nói chung và văn học Nhật Bản nói riêng. Nghiên cứu về những biểu hiện của yếu tố kỳ ảo, giấc mơ, những dấu ấn nghệ thuật hậu hiện đại trong sáng tác của H.Murakami tiêu biểu là những bài: *Nghệ thuật xây dựng giấc mơ trong “Kafka bên bờ biển” của H.Murakami* (Nguyễn Hồng Anh - Văn học nước ngoài số 1+2/2012), *Một số yếu tố kỳ ảo trong truyện ngắn của H.Murakami* (Hà Văn Lương - Nghiên cứu Đông Bắc Á số 9/2012), *Yếu tố hậu hiện đại trong “Biên niên ký chim vặn dây cót” của H.Murakami* (Lê Thị Diễm Hằng - Tạp chí Khoa học và Giáo dục - ĐHSP Huế số 2/2010)... Nhìn sáng tác của H.Murakami từ góc độ nhân vật, các môtip phức cảm và cổ mẫu, yếu tố sex... thể hiện qua các bài: *Kiểu con người đa ngã trong tiểu thuyết “Người tình Sputnik” của H.Murakami* (Trần Thị Tô Loan - Văn học nước ngoài, số 3/2010), *Phức cảm Genji trong tiểu thuyết “Kafka bên bờ biển” của H.Murakami* (Nguyễn Thị Bích Thủy - Nghiên cứu văn học, số 5/2010), *Cổ mẫu Shadow và motip cuộc hành trình trong tiểu thuyết “Người tình Sputnik” của Haruki Murakami* (Ngô Viết Hoàn - Nghiên cứu Đông Bắc Á số 2/2012), *Phản ứng của giới trẻ và yếu tố sex trong tiểu thuyết “Rừng Nauy”* (Vũ Thị Thu Hà - Nghiên cứu văn học, số 12/2008). Như vậy, sáng tác của H.Murakami ở Việt Nam được nghiên cứu khá đầy đủ và toàn diện, nêu bật những nét cốt lõi trong nghệ thuật của nhà văn.

Các tác giả văn xuôi khác như O.Dazai, Ph.Shimei, R.Akutagawa, K.Oe, Y.Banana... cũng được nghiên cứu trong các bài viết: *Oe Kenzaburo và nỗi đau nhân loại trong “Một nỗi đau riêng”* (Đào Thị Thu Hằng - Nghiên cứu văn học, số 4/2007), *Trạng thái hiện sinh của con người trong tiểu thuyết “Một nỗi đau riêng” của Oe Kenzaburo* (Ôn Thị Mỹ Linh - Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 9/2008), *Cuộc truy vấn về nhân sinh trong “Bướm trắng” của Nhất Linh và “Thất lạc cõi người” của Dazai Osamu* (Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Nghiên cứu văn học, số 3/2012), và *Yoshimoto Banana - Nhà văn của lòng nhân ái và những tổn thương tinh thần* (Luu Thị Thu Thủy - Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2/2009)...

+ Theo tìm hiểu của chúng tôi, đến nay có khoảng trên 15 bài nghiên cứu về văn học dân gian Nhật Bản của nhiều tác giả đã được đăng ở tạp chí chuyên ngành và các tạp chí khác. So với số lượng tác phẩm của thể loại này đã được dịch ở Việt Nam thì số bài nghiên cứu hầu như còn ít, chưa tương xứng. Nhìn chung, các bài viết đã nêu lên những vấn đề chung, cụ thể thuộc đặc trưng thể loại và về nội dung, nghệ thuật của truyện cổ, truyền thuyết, thần thoại... Nhiều bài tập trung nghiên cứu truyện cổ như: *Nhật Bản - đất nước của nguồn truyện cổ* của Nguyễn Bích Hà (Văn hóa nghệ thuật, số 5/1998), *Tìm hiểu một số motip phổ biến trong truyện cổ tích Nhật Bản* (Lê Thị Quỳnh Hào - Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 3/2010), *Một số yếu tố thần kỳ trong truyện cổ Nhật bản, từ góc nhìn thể loại* (Hà Văn Lương - Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4/2013)... Một số bài viết về tục ngữ, truyền thuyết Nhật Bản đã nêu lên những đặc điểm cơ bản mang tính dân tộc và quốc tế của thể loại này như: *Tục ngữ Nhật Bản với người phụ nữ* của Nguyễn Thị Hồng Thu (Văn hóa nghệ thuật, số 4/2001) và *Thể loại truyền thuyết dưới mắt các*



nhà nghiên cứu *Folklore Nhật Bản và Trung Quốc* của Kiều Thu Hoạch (Nghiên cứu văn học, số 2/2000). Ngoài ra, có thể kể đến các bài: “*Nhật Bản linh dị kỳ*” trong nghiên cứu so sánh với truyện cổ Việt Nam (Vũ Tuyết Loan), *Ngược dòng lịch sử, tìm hiểu cội nguồn, bản lĩnh, bản sắc dân tộc Nhật qua thư tịch và truyền cổ dân gian* của Bùi Văn Ngân (Nghiên cứu văn học, số 1/1999)...

Trên đây, từ góc nhìn thể loại và lịch đại, chúng tôi khái quát những nét cơ bản bức tranh nghiên cứu văn học Nhật bản trong mấy thập niên cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

#### 4. MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua bức tranh tiếp nhận văn học Nhật Bản ở Việt Nam trên phương diện dịch thuật và nghiên cứu trong mấy thập niên cuối thế kỷ XX đến những năm đầu thế kỷ XXI, chúng tôi có một số đánh giá và kiến nghị như sau:

- Với sự nỗ lực của các dịch giả, các nhà nghiên cứu, các nhà xuất bản, tạp chí, báo chí, trong hơn nửa thế kỷ qua, đặc biệt ba chục năm gần đây, văn học Nhật Bản đã được giới thiệu ở Việt Nam một cách khá đầy đủ và toàn diện. Chính công việc này đã tạo điều kiện thuận lợi để người đọc nước ta tiếp xúc, thưởng thức và hiểu sâu sắc hơn về đất nước, con người và những giá trị tinh thần đặc sắc của văn học xứ sở mặt trời mọc. Nhìn chung, tiến trình lịch sử văn học Nhật Bản, những thành tựu lớn của nền văn học này đã được người đọc lĩnh hội một cách hệ thống.

- Việc dịch thuật và nghiên cứu văn học Nhật Bản thời gian qua chủ yếu vẫn chú trọng mảng văn xuôi hiện đại và thơ haiku. Điều đó đúng, nhưng chưa đầy đủ. Ngoài tác giả Y.Kawabata, H.Murakami, K.Oe được dịch nhiều ở nước ta, một số nhà văn lớn khác như M.Ogai, O.Dazai...việc dịch tác phẩm và nghiên cứu về họ còn quá ít. Những nhà văn đương đại được dịch nhiều (R.Murakami, Y.Banana, Y.Amy, Y.Ogawa...) nhưng còn thiếu vắng các bài viết. Thể thơ haiku dịch và nghiên cứu khá đầy đủ, nhưng mảng thơ hiện đại dịch chưa nhiều. Những tác phẩm như *Người đẹp Phương Đông* (1888) của Tokai Sashi, *Cô vũ nữ* (1890) của Mori Ogai... và sách nghiên cứu *Chủ nghĩa tự nhiên và văn đàn hôm nay* (1907) của Sh.Hogetshu, *Tôi thuộc phái hoài nghi* (1908) của Futabatei Shimei, *Bàn về chủ nghĩa tự nhiên* (1908) của Ikuta Choko... chưa được dịch.

- Thể loại sân khấu (kịch Noh, kịch Kabuki...), thơ renga chưa chú trọng nên dịch không đáng kể. Đây cũng là một “chỗ trống” đáng tiếc đối với người đọc nước ta về thể loại văn học này.

- Trong việc dịch và nghiên cứu, chưa có sự cân đối giữa văn học các thời kỳ. Nếu văn học hiện đại chú ý nhiều hơn cả, thì văn học cổ, trung đại và cận đại dịch chưa nhiều. Đội ngũ dịch thuật còn mỏng mà chủ yếu dịch qua bản tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung còn dịch từ bản tiếng Nhật xuất hiện còn hạn chế.

- Theo chúng tôi, để tiếp tục phổ biến văn học Nhật Bản đến với người đọc Việt Nam, thời gian tới phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các dịch giả, nhà nghiên cứu, nhà xuất bản... để

dịch và giới thiệu ngày càng nhiều tác phẩm hơn nữa. Tổ chức nhiều cuộc Hội thảo cấp Quốc gia, Quốc tế, mở rộng giao lưu Nhật -Việt, tăng cường quảng bá văn học Nhật Bản trên phương tiện thông tin đại chúng... Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức văn hóa, trung tâm góp phần hoàn thành thủ tục bản quyền, trợ giúp pháp lý và tài trợ để có nhiều tác phẩm văn học Nhật Bản đến với độc giả Việt Nam. Chúng tôi tin rằng, trong tương lai, văn học Nhật Bản sẽ tiếp tục được phổ biến ở nước ta sâu rộng hơn.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Nhật Chiêu (1994). *Basho và thơ Haiku*, Nxb Văn học & ĐHTH Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Đào Thị Thu Hằng (2007). *Văn hóa Nhật Bản và Yasunari Kawabata*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Tuấn Khanh (2011). *Những cây bút kiệt xuất trong văn học Nhật Bản hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội .
- [4]. Mai Liên (2010). *Hợp tuyển văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến giữa thế kỷ XIX*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [5]. Hữu Ngọc (2006). *Dạo chơi vườn văn Nhật Bản* , Nxb Văn nghệ ( tái bản ).
- [6]. Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, từ năm 2005 đến năm 2013 .
- [7]. Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, những năm 1990, 2000, 2005, 2010, 2012, 2013.
- [8]. Tạp chí *Văn học nước ngoài*, năm 2010, 2012, 2013.
- [9]. Nguyễn Nam Trân (2011). *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

### **THE STATUS OF TRANSLATING AND RESEARCHING JAPANESE LITERATURE IN VIETNAM FROM THE LATE 20<sup>th</sup> CENTURY TO THE EARLY 21<sup>st</sup> CENTURY**

**Ha Van Luong**

*Department of Literature and Linguistics, Hue University of Sciences*

*Email: havanluongdhkh@gmail.com*

#### **ABSTRACT**

*The acquisition of Japanese literature in Vietnam has started in the early 20<sup>st</sup> century to now and has undergone various periods. However, from 1980s to the early 21<sup>st</sup> century, Japanese literature has been promoted in Vietnam broadly with a great number of published works, books and articles. sBased on the statistical analysis, the article presents intensively two perspectives of the acquisition of Japanese literature, namely, interpretation and research. The paper currently outlines the status of Japanese literature in Vietnam, as well as proposes some results and suggestions so as to promote its stronger popularization in the future.*

**Keywords:** *Early 21<sup>st</sup> century, Japanese literature, late 20<sup>th</sup> century, translating, Vietnam.*